

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY
CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG ĐIỆN BIÊN

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ của Công ty cổ phần công trình giao thông Điện Biên (dưới đây gọi tắt là Công ty) là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Công ty cổ phần công trình giao thông Điện Biên được thành lập dưới hình thức chuyển đổi DNNN thành Công ty cổ phần theo Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần và theo các quyết định: Quyết định số 56/2003/QĐ-TTg ngày 15/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp DNNN tỉnh Lai Châu (cũ) đến năm 2005; Quyết định số: 740/QĐ-UB ngày 01/7/2004 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Cổ phần hoá DNNN Công ty công trình giao thông Điện Biên, Quyết định số 1013/QĐ-UB ngày 29/9/2005 của UBND tỉnh Điện Biên về việc Công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá Công ty công trình giao thông, Quyết định số 1110/QĐ-UB ngày 21/10/2005 và quyết định số 1162/QĐ-UB ngày 4/11/2005 của UBND tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty công trình giao thông Điện Biên thành Công ty cổ phần công trình giao thông Điện Biên.

Điều lệ này đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất tổ chức vào ngày 29 tháng 12 năm 2005, bản Điều lệ này sẽ là những quy tắc và những quy định ràng buộc để Công ty cổ phần công trình giao thông Điện Biên tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa và các thuật ngữ:

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có ý nghĩa như được quy định dưới đây:

- a. " Hội đồng " có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.
- b. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
- c. " Vốn Điều lệ " có nghĩa là tổng số vốn góp khi lập công ty để tạo thành vốn chủ sở hữu của công ty, là nguồn hình thành tài sản ban đầu của công ty.

d. " Luật Doanh nghiệp " có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12/6/1999.

e. " Ngày thành lập " có nghĩa là ngày mà Công ty được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
g. " Pháp luật " là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều I luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành ngày 12/11/1996.

h. " Cán bộ quản lý " có nghĩa là Giám đốc điều hành. Phó giám đốc điều hành, kế toán trưởng, và các cán bộ khác được Hội đồng quản trị chỉ định làm Cán bộ quản lý của Công ty.
i. " Những người liên quan " có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong Điều 3 (14) của Luật doanh nghiệp.
j. " Cổ đông " có nghĩa là mọi thể nhân hay pháp nhân được ghi tên trong sổ đăng ký Cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.

k. " Thời hạn " có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công ty như được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và mọi thời gian hạn được thông qua bằng một Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được Hội đồng quản trị chấp thuận.
m. " Việt Nam " có nghĩa là Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty được chia ra làm nhiều phần bằng nhau, mỗi phần được gọi là một cổ phần.
3. Người sở hữu cổ phần là cổ đông của công ty. Cổ đông có thể là cá nhân (thể nhân) hoặc tổ chức (pháp nhân).
4. Chúng tôi do Công ty pháp hành hoặc bút toán ghi số xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty gọi là cổ phiếu. Cổ phiếu có thể là cổ phiếu ghi tên cổ đông sở hữu số cổ phần đó hoặc không ghi tên (gọi là cổ phiếu vô danh). Cổ phiếu ghi danh là cổ phiếu có ghi tên, địa chỉ của cổ đông sở hữu cổ phiếu đó, còn cổ phiếu vô danh thì không ghi tên.

5. Cổ phần phổ thông là cổ phần mà người sở hữu nó có quyền tham gia biểu quyết các vấn đề quản lý công ty tại Đại hội đồng cổ đông và mọi cổ phần phổ thông có giá trị 01 phiếu biểu quyết. Công ty có cổ phần bất buộc phải có cổ phần phổ thông mà không nhất thiết phải có cổ phần ưu đãi. Cổ phần phổ thông được tự do chuyển nhượng (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều 11 điều lệ này).

6. Quyền đề cử là quyền giới thiệu người vào danh sách đề cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát công ty để Đại hội đồng cổ đông bầu cử. Chỉ cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng mới có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

7. Biểu quyết là hình thức hiện quyền của cổ đông có quyền biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Mọi cổ phần phổ thông có giá trị bằng một phiếu biểu quyết.

8. Trái phiếu công ty là một loại chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành để vay vốn của những người sở hữu trái phiếu đó theo một mệnh giá xác định và một lãi suất do hai bên thoả thuận.

9. Lợi nhuận sau thuế của công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sử dụng, trong đó có phần trả lãi cho những người sở hữu cổ phần của công ty. Mức trả lãi cho mỗi cổ phần mỗi năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định gọi là cổ tức.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CÔNG TY**

Điều 2. Tên gọi, Hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và Thời gian hoạt động của Công ty:

1. Tên gọi Công ty bằng tiếng Việt là:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH ĐIỆN BIÊN

Tên giao dịch: Công ty cổ phần công trình giao thông tỉnh Điện Biên

Tên viết tắt: Công ty CPCTGT Điện Biên

2. Trụ sở đăng ký của Công ty :

Địa chỉ: Tổ dân phố 4 - Phường Thanh Bình - Thành phố Điện Biên Phủ - Tỉnh Điện Biên

Điện thoại: 023824707

Fax: 023824706

3. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4. Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đăng ký kinh doanh và là vô thời hạn.

Điều 3. Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh của Công ty.

1. Ngành nghề Kinh doanh của Công ty là:

Xây dựng các công trình giao thông; Xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; Xây dựng dân dụng - Công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng; Xây lắp và lắp đặt hệ thống cấp thoát nước thông dụng; Tư vấn, thiết kế, tư vấn thí nghiệm các công trình giao thông; Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn; Kinh doanh vận tải, cho thuê máy móc, thiết bị thi công công trình; Sửa chữa xe máy, thiết bị thi công, gia công cơ khí.

Đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện, xây lắp đường dây và trạm biến áp từ 0,4 đến 35KV; Khai thác chế biến và mua bán than các loại; Khai thác và mua bán quặng, sắt, đồng, chì, thiếc; Trồng và chăm sóc rừng, khai thác và chế biến lâm sản, kinh doanh khách sạn, nhà hàng.

2. Mục tiêu của Công ty là:

Công ty cổ phần công trình giao thông Điện Biên hoạt động với mục tiêu: Nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều Chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động; tạo động lực mạnh mẽ và cơ chế quản lý năng động, sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của các cổ đông và các nhà đầu tư. Huy động vốn của toàn xã hội, bao gồm: Cá nhân, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội

và các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước để phát triển công ty, đầu tư đổi mới công nghệ. Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông; tăng cường sự giám sát của các nhà đầu tư đối với doanh nghiệp; bảo đảm sự hài hòa các mối quan hệ về lợi ích của các cổ đông và các nhà đầu tư, người lao động...

Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý.

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty có phần Công trình giao thông Điện Biên, bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông.
- b. Hội đồng quản trị
- c. Giám đốc (có thể kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị)
- d. Phó giám đốc
- e. Kế toán trưởng
- g. Ban kiểm soát.
- h. Các đơn vị kinh tế trực thuộc (nếu có)

Điều 5. Phạm vi Kinh doanh và địa bàn hoạt động:

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành các hoạt động kinh doanh theo qui định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với qui định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

3. Địa bàn hoạt động: Trong và ngoài nước (nếu có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Điều 6. Tư cách pháp nhân.

Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo quy định của pháp luật, có con dấu và tài khoản riêng, chịu trách nhiệm hữu hạn về tài sản đối với các nghĩa vụ trong hợp đồng và nghĩa vụ ngoài hợp đồng. Đại diện theo pháp luật của công ty là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc điều hành công ty.

Điều 7. Quyền hạn và nghĩa vụ của công ty:

1-Quyền hạn của công ty:

- Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp
- Chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn đầu tư, hình thức đầu tư kể cả liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh.
- Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
- Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn.
- Kinh doanh xuất, nhập khẩu
- Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh
- Tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

- Tự chịu và tổ cáo mọi yêu cầu cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào trừ những khoản từ nguyên đồng góp vì mục đích nhân đạo và công ích,

- Các quyền khác theo quy định pháp luật.

2- Nghĩa vụ của công ty:

- Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký
- Lập sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực và chính xác.
- Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Bảo đảm chấp lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn đã đăng ký
- Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp và tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan đăng ký kinh doanh. Khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc các báo cáo là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó với cơ quan đăng ký kinh doanh.
- Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo pháp luật về công đoàn.
- Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 8. Vốn Điều lệ, Cổ phần, Cổ phiếu, trái phiếu.

1. Tất cả các cổ phần do công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông.
2. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là 17.589.360.000 đồng (Mười bảy tỷ năm trăm tám chín triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.758.936 cổ phần, với mệnh giá là: 10.000 đồng/ cổ phần.
3. Công ty chỉ có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các qui định của Pháp luật.
4. Công ty không được sử dụng vốn điều lệ để chia cho cổ đông dưới bất cứ hình thức nào.
5. Cổ phần phổ thông dự kiến phát hành từ lần 2 trở đi sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty. Công ty phải thông qua việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi một ngày) để cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được cổ đông đặt mua hết chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối (hoặc tặng các quyền chọn mua) các cổ phần này cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ khi trường hợp các cổ đông chấp thuận.

khác hoặc trong trường hợp có phần được chào bán qua trung tâm giao

6. Công ty có thể mua có phần của chính mình theo những cách thực được qui định trong Luật Doanh nghiệp và các Luật liên quan phù hợp với thẩm quyền mà Đại hội đồng có đồng đã cho phép theo qui định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Có phần do Công ty mua lại được giữ làm có phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng có đồng cho phép và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7. Công ty có thể phát hành trái phiếu để vay vốn dài hạn theo cách thực phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 9. Tang, giam vốn điều lệ:

1. Đại hội đồng có đồng công ty có thể quyết định tang vốn điều lệ nếu thấy cần cho việc mở rộng quy mô đầu tư, kinh doanh hoặc có thể quyết định giam vốn điều lệ nếu thấy cần thu hẹp quy mô kinh doanh khi công ty hoạt động kém hiệu quả.

2. Việc tang vốn điều lệ có thể bằng cách:

- Phát hành có phiếu mới.
 - Chuyển trái phiếu chuyên đổi thành có phiếu.
 - Các hình thức khác do Đại hội đồng có đồng quyết định.
3. Việc giam vốn điều lệ có thể bằng cách:
- Thu hồi một phần có phiếu đang lưu hành theo tỷ lệ tương ứng.
 - Thay đổi mệnh giá có phiếu tương ứng với tỷ lệ giam vốn.
 - Các hình thức khác do Đại hội đồng có đồng quyết định.

Điều 10. Chứng chỉ có phiếu, trái phiếu.

1. Mọi có đồng đều có quyền được cấp một chứng chỉ ghi nhân một hoặc một số có phần nhất định và chứng chỉ đó gọi là có phiếu.

2. Mọi có phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và có chủ ký của đại diện theo pháp luật của công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại có phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (nếu là có phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp quy định.

3. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký có đồng liên quan đến một có phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ (trong trường hợp phát hành vòng hai tháng) hoặc thời hạn lâu hơn theo nhu cầu khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số có phần trong một có phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhân số có phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Nếu một có phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị danh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy thì một có phiếu mới ghi nhân số có phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người do với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và thanh toán mới chi phí liên quan đến việc phát hành chứng chỉ mới cho Công ty.

6. Người sở hữu cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Trái phiếu là loại chứng khoán được phát hành dưới hình thức chứng chỉ ghi nợ (bao gồm cả gốc và lãi) do công ty phát hành để huy động thêm vốn vay trung và dài hạn theo các quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị sẽ quyết định phát hành loại trái phiếu, giá trị của trái phiếu và thời điểm phát hành trái phiếu.

Điều 11. Chuyển nhượng, kế thừa cổ phần.

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và Luật pháp có quy định khác.

2. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả các chuyển nhượng cổ phiếu ghi danh đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường hoặc theo bất kỳ cách nào mà HĐQT có thể chấp nhận và cũng có thể chỉ là trao tay. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi người chuyển nhượng hoặc người thay mặt bên chuyển nhượng (trừ trường hợp cổ phiếu chưa được thanh toán đầy đủ). Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp bên chuyển nhượng uỷ quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự Đại hội cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ phần người lao động được mua ưu đãi giảm giá (bắt buộc dưới dạng cổ phiếu ghi danh) không được chuyển nhượng trong thời hạn 3 năm kể từ ngày phát hành lần đầu.

4. Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phiếu ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.

5. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải toả tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

6. Ba mươi ngày (30) trước ngày tiến hành Đại hội đồng cổ đông, cổ đông không được chuyển nhượng cổ phần.

7. Cổ phiếu, trái phiếu của công ty có thể được chuyển nhượng qua thị trường chứng khoán theo các thủ tục và phương thức do pháp luật về thị trường khoán quy định.

Điều 12: Mua lại cổ phiếu

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

a) Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng từng

Loại cổ phần, giá dư định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải gửi đến công ty trong vòng 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định các vấn đề nêu tại khoản này.

b) Công ty phải mua lại cổ phần của cổ đông quy định tại khoản 1a điều 12 nêu trên theo giá thị trường, nếu không thỏa thuận được về giá thì có quyền yêu cầu trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty

a) Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành theo nguyên tắc nêu mua qua 10% phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định, còn mua lại không quá 10% do Hội đồng quản trị quyết định.

b) Giá mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua.

c) Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải thông báo cho tất cả cổ đông trong vòng không quá 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua với tỷ lệ mua như nhau trên số cổ phần hỏ sở hữu.

d) Công ty chỉ được thanh toán số cổ phần mua lại nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại công ty vẫn bảo đảm trả đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác. Nếu việc thanh toán này làm giảm 10% tổng tài sản của công ty ghi trong sổ kế toán thì công ty phải thông báo tình trạng này cho tất cả các chủ nợ biết trong vòng 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 13. Thu hồi cổ phần.

1. Cổ đông nào không thanh toán đầy đủ và dùng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, thì HĐQT có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất có thể được luy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty.

2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày, kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ ràng trong hợp không thanh toán dùng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.

3. Nếu cổ đông không thực hiện dùng yêu cầu nêu trong thông báo nói ở khoản 1, khoản 2 của điều 13 nêu trên, thì HĐQT sẽ thu hồi các cổ phần đã công bố nhưng chưa chi trả cho đến thời điểm bị thu hồi.

4. Việc thu hồi được thực hiện như sau:

a) Cổ phần thu hồi trở thành tài sản công ty và có thể được Hội đồng quản trị quyết định bán hoặc xử lý theo điều kiện và cách thức phù hợp cho chính người có cổ phần bị thu hồi hoặc cho người khác.

b) Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi bị tước tư cách cổ đông đối với số cổ phần bị thu hồi nhưng vẫn phải trả cho công ty các khoản phải nộp, các khoản lãi và chi phí có liên quan đến cổ phần bị thu hồi tính đến ngày bị thu hồi, kể cả lãi phát sinh cho đến thời điểm thực tế đã thanh toán xong với lãi suất bằng lãi suất của ngân hàng tại thời điểm thanh toán.

Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định cưỡng chế việc thanh toán theo quy định trên đây hoặc cho miễn giảm một phần hay toàn bộ số tiền đó.

Việc loại bỏ tư cách cổ đông của cổ đông nêu trong khoản 3 điều 13 này phải được thực hiện bằng một quyết định của Hội đồng quản trị gửi cho cổ đông đó và cho những người có liên quan.

c) Trước khi tiến hành thu hồi cổ phần phải gửi thông báo cho người có cổ phần bị thu hồi, nhưng nếu có sai sót hay bất cẩn trong việc gửi thông báo thì quyết định thu hồi vẫn có đầy đủ hiệu lực pháp lý.

Chương IV

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền hạn của Cổ đông Công ty.

1. Cổ đông là những người Chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người được ủy quyền.

3. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Nhận cổ tức.

b. Tự do chuyển nhượng cổ phiếu đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Luật pháp.

c. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.

d. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.

e. Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi (nếu có).

f. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định trong Điều 64.1 của Luật Doanh nghiệp; và Điều 12 của Điều lệ này.

h. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

4. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 tháng (sáu tháng) trở lên, có các quyền sau đây:

a. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại các Điều 23.2 và Điều 31.2 của điều lệ này;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội cổ đông;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

d. Các quyên khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 15. Nghĩa vụ của các cổ đông.

Các cổ đông có nghĩa vụ sau:
a. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế, các quyết định của Hội đồng quản trị và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
b. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục quy định và các thỏa thuận khác đã được nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.
c. Hoàn thành các nghĩa vụ khác do Luật pháp và bản điều lệ này quy định.

Điều 16: Sở đăng ký cổ đông

1. Sở đăng ký cổ đông phải ghi đầy đủ nội dung tổng số cổ phần và loại cổ phần được quyền chào bán; tổng số cổ phần đã bán và giá trị cổ phần đã góp; tên và địa chỉ của cổ đông và số cổ phần mà họ sở hữu.
2. Sở đăng ký cổ đông phải lập ngay sau khi công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và phải lưu giữ tài tử số công ty và thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và các cổ đông nơi lưu giữ số đăng ký cổ đông.

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết đều được tham dự. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 lần.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị quy định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty đã được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Đại hội đồng cổ đông bất thường phải được triệu tập trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
Việc triệu tập là cần thiết, nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy.
b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quỹ hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn điều lệ đã bị mất một nửa.
c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà Luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 14 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 86 của Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

4. Quy định về Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng 15 ngày (mười năm ngày), kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại Điểm 3d hoặc 3e trên đây.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông đúng quy định tại khoản 4a nêu trên, Ban Kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp trong vòng 10 ngày.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp đúng quy định tại khoản 4b nêu trên, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại Khoản 3d của điều này có thể triệu tập cuộc họp các cổ đông trong vòng 7 ngày.

d. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 18 : Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình Công ty.
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị.
- d. Báo cáo của các kiểm toán viên.
- e. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các vấn đề sau:

- a. Phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm.
- b. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị.

d. Lựa chọn Công ty kiểm toán .

e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành (nếu có).

- Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi.

quyền đó đã:

ny quyền sẽ có hiệu lực, ngay cả khi có đồng chí định đại diện ny

5. La phiếu bầu của đại diện được ny quyền trong phạm vi được

đại diện được ny quyền không nhất thiết phải là có đồng.

4. Có đồng có quyền tham dự Đại hội đồng có đồng theo quy định

ban, có chữ ký của tất cả người đại diện theo pháp luật của các có đồng.

3. Có đồng hoặc nhóm có đồng có thể cử người đại diện được ny

trong điều lệ của tổ chức, nếu có đồng là pháp nhân.

2. Đại diện theo pháp luật của có đồng là cá nhân người sở hữu

đại diện được ny quyền.

qua người đại diện hợp pháp của mình - đại diện theo pháp luật hoặc đại

1. Có đồng thực hiện các quyền và nghĩa vụ của có đồng thông

Điều 19. Đại diện và đại diện ny quyền của có đồng.

ngiht quyết về các vấn đề được đưa vào chương trình hợp.

4. Đại hội đồng có đồng phải thảo luận và biểu quyết đối với các

hiện quan đến có đồng đó.

b. Việc mua có phần của có đồng do hoặc của bất kỳ người nào có

có liên quan tới có đồng đó là một bên của hợp đồng;

a. Các Hợp đồng quy định tại Điều 33 nếu có đồng do hoặc người

thông qua:

3. Có đồng không được bỏ phiếu cho bất kỳ một nghị quyết nào để

Chi nhánh của Công ty tính theo số sách kê toán.

với giá trị tương ứng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị của Công ty và các

với những người được quy định tại Điều 87.1 của Luật Doanh nghiệp

o. Việc công ty hoặc các Chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng

quan tri.

n. Việc Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng

nao đang phát hành.

m. Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% có phần thuộc bất kỳ loại

Công ty tính theo số sách kê toán đã được kiểm toán nhất.

hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị

từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của

1. Giao dịch bán tài sản của Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào

kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các có đồng của Công ty.

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban

thanh lý.

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người

i. Sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty.

mọi loại có phần.

h. Loại có phần và số lượng có phần mới sẽ được phát hành cho

g. Bỏ sung và sửa đổi Điều lệ.

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và

bao cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị.

- Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền.

- Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Nhưng điều này không có hiệu lực nếu công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nói trên trước 48 giờ trước cuộc họp.

Điều 20. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp.

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định khác.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

a. Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và có quyền biểu quyết trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu Đại hội, chương trình họp, và các tài liệu có liên quan.

b. Xác định thời gian và địa điểm họp Đại hội.

c. Thông báo cho tất cả các cổ đông về Đại hội và gửi thông báo về Đại hội và giấy mời cho cổ đông trước ngày khai mạc 7 ngày.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 4 Điều 14 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng Cổ đông. Đề xuất phải làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 ngày (ba ngày) trước khi bắt đầu Đại hội. Đề xuất phải bao gồm: họ và tên của cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

4. Người triệu tập Đại hội chỉ được quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 3 của Điều này nếu:

a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn.

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đủ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 06 tháng trở lên.

c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết.

d. Đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua các nghị quyết.

5. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.

Điều 21. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập Biên bản Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ được coi là hợp lệ khi thỏa mãn các điều kiện quy định tại điều 76 Luật Doanh nghiệp được thể hiện ở khoản 5 điều 21 của điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì hoặc phó Chủ tịch nếu Chủ tịch đi vắng, hoặc một người khác do Đại hội bầu ra.

3. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bởi từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội.

4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được

Điều 22. Phê chuẩn các nghị quyết thông qua hình thức gửi văn bản.

Luật Doanh nghiệp.

11. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải tuân thủ đúng điều 78 của tính phân quyết cao nhất.

10. Quyết định của Chủ toạ về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phải sinh ngoại chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

9. Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ toạ không có trách nhiệm dùng Đại hội đó để cho họ đăng ký và toạ sẽ chọn những người đó.

Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì chủ bao ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành.

8. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ tán thành một nghị quyết trước, thu số thẻ phân đối nghị quyết sau, cuối cùng căn cứ tổng số phiếu bầu để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phân đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được chủ toạ thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành.

7. Khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

6. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút, kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày, kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Trong số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút, kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một Đại hội Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần thứ hai và trong Đại hội lần này bất kỳ số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội Cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút, kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày, kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Trong số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút, kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một Đại hội Cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần thứ hai và trong Đại hội lần này bất kỳ số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội Cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.

1. Các nghị quyết có thể được các cổ đông đại diện cho ít nhất 51% quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục quy định tại khoản 2 của Điều này.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm để các nghị quyết của cổ đông được thông qua bằng hình thức gửi văn bản:

a. Thảo luận và Quyết định các vấn đề cần xem xét, hình thức và nội dung bỏ phiếu kín hay biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

b. Gửi phiếu bầu và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông để các cổ đông này có đầy đủ thông tin có thể ra các quyết định.

c. Quyết định kết quả bỏ phiếu và thông báo kết quả đó trong vòng 15 ngày sau ngày ghi trong lá phiếu mà vào ngày đó các lá phiếu sẽ được gửi trả lại.

3. Nghị quyết được thông qua bằng hình thức gửi văn bản có giá trị tương đương các nghị quyết được thông qua Đại hội đồng cổ đông, trừ các vấn đề được quy định tại khoản 4 điều 21 điều lệ này.

Chương V HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Thành phần và Nhiệm kỳ.

1. Số thành viên của Hội đồng quản trị là 05 người với nhiệm kỳ tối đa 05 năm (05 năm) và có thể được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo. Khi bầu các thành viên Hội đồng quản trị, Công ty phải bảo đảm ít nhất 1/3 số thành viên được bầu hoặc bầu lại tại mỗi kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và ít nhất 1/3 (một phần ba) số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập không điều hành.

2. Quyền đề cử.

a. Mỗi cổ đông nắm giữ hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 06 tháng liên tiếp trở lên được quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị;

b. Những cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 06 tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên Hội đồng quản trị. Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ nắm giữ chiếm từ 10 đến dưới 30% thì được quyền đề cử 01 thành viên; Nếu chiếm từ 30 đến 50% thì được đề cử 02 thành viên; Nếu từ 50 đến 70% thì được đề cử 03 thành viên; và nếu lớn hơn 70% thì được đề cử 04 thành viên.

3. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

b. Thành viên đó xin từ chức bằng văn bản.

c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần hoặc bị mất năng lực hành vi.

d. Thành viên đó vắng mặt không dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị.

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và phải được Đại hội đồng cổ đông tiếp theo chấp thuận. Khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thì việc bổ nhiệm được coi là có hiệu lực vào ngày mà Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 24. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh công ty, trừ những quyền thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên Hội đồng quản trị không được chuyển nhượng cổ phần của Công ty mà họ sở hữu trong suốt thời gian đương nhiệm, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác.

3. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Quyết định chiến lược phát triển của công ty.
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
- d. Quyết định phương án đầu tư.
- d. Quyết định phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty.
- e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng và các cán bộ quản lý quan trọng khác của Công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó.
- g. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.
- h. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại Hội đồng cổ đông.

1. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

k. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại Hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

m. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại.

n. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể công ty.

o. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty.

4. Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, trong đó có việc giám sát đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trong đó, việc đánh giá báo cáo tài chính hàng năm của công ty là một nội dung bắt buộc để trình Đại hội đồng cổ đông. Nếu báo cáo tài chính chưa được Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá bằng văn bản thì bị coi là không có giá trị.

5. Các thành viên Hội đồng quản trị (không kể các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao theo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định và do Hội đồng quản trị tự thoả thuận phân chia.

6. Tổng số tiền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí hợp lý khác mà họ đã phải trả khi thực hiện chức trách thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 25. Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị bầu một trong số thành viên của Hội đồng làm chủ tịch và một thành viên khác làm Phó Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch làm thay nhiệm vụ của Chủ tịch khi Chủ tịch đi vắng. Nếu cả Chủ tịch và Phó chủ tịch đi vắng thì hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên khác để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, Báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Khi Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất kỳ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải bầu một trong các thành viên thay thế trong thời hạn 10 ngày.

hoặc một giao dịch đã ký kết hoặc đang dự kiến với công ty phải công
Mỗi thành viên Hội đồng quản trị được hưởng lợi từ một hợp đồng
ích đáng kể trong hợp đồng đó.

c) Thành viên nào của Hội đồng quản trị hưởng lợi từ hợp đồng
được quy định tại điều 87.1 của Luật Doanh nghiệp được coi là có lợi
trên.

b) Thành viên có liên quan đến lợi ích các hợp đồng hoặc giao
dịch và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty sẽ không có
quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch đó. Thành viên
không có quyền biểu quyết trong cuộc họp không được tính vào số
lương đại biểu cần thiết cho một cuộc họp theo quy định tại mục 5 nói
trên.

a) Mọi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền
có mặt tại cuộc họp sẽ có một phiếu biểu quyết trừ trường hợp quy định
tại mục b sau đây.
6. Biểu quyết.

người đại diện thay thế.
nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua
5. Cuộc họp chỉ có thể tiến hành và thông qua nghị quyết khi có ít
viên Hội đồng không thể dự họp thì phải giữ kèm cả phiếu bầu.

Về những vấn đề sẽ được bàn và biểu quyết tại cuộc họp và nêu có thành
trình, thời gian, địa điểm họp và phải kèm theo những tài liệu cần thiết
Thông báo họp Hội đồng phải làm thành văn bản có nội rõ chương
thành viên Hội đồng 07 ngày trước khi tổ chức.
4. Thông báo về chương trình họp:
Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các
công ty.

3. Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch phải triệu
tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình
cuộc họp Hội đồng quản trị.
người đề xuất cuộc họp nói ở mục 2 nói trên có thể tự mình triệu tập
Nếu Chủ tịch không chấp thuận triệu tập cuộc họp thì những

soat.
c. Trường ban kiểm soát hoặc đa số thành viên trong Ban kiểm
b. Hai thành viên Hội đồng quản trị.

ty.

a. Giám đốc điều hành hoặc ít nhất 05 (năm) cán bộ quản lý công
Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
địch cuộc họp và văn đề cần bàn của một trong các đối tượng sau đây,
Trong vòng hai tuần kể từ khi nhận được văn bản đề nghị về mục
2. Các cuộc họp bất thường.

trình, thời gian, địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến.
Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp Hội đồng bất kỳ
khi nào thấy cần thiết nhưng ít nhất một quý một lần và phải lập chương
1. Các cuộc họp thường kỳ:

Điều 26. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

5. Chức trách, nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng quản
trị do Hội đồng quản trị phân công và quy định.

bổ bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp của Hội đồng quản trị lần đầu xem xét vấn đề ký hợp đồng hoặc giao dịch này khi thành viên đó biết là mình hưởng lợi ích có liên quan.

7. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết và ra quyết định bằng cách biểu quyết theo đa số (trên 50% số thành viên có mặt). Nếu gặp trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì số phiếu của Chủ tịch có ý nghĩa quyết định.

8. Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu bằng văn bản với điều kiện văn bản này được gửi tới Chủ tịch hoặc thư ký ít nhất một giờ trước thời gian dự kiến cuộc họp bắt đầu.

9. Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết theo quy định về điều kiện số thành viên tối thiểu phải có mặt theo quy định tại mục 5 nói trên.

10. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp Hội đồng cho các thành viên và nếu trong vòng 10 ngày kể từ khi chuyển đi mà không có ý kiến phản đối về nội dung văn bản thì các biên bản này có giá trị pháp lý.

Chương VI

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 27. Tổ chức bộ máy quản lý.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức hệ thống quản lý công ty với một bộ máy bao gồm một Giám đốc điều hành, các phó giám đốc và một kế toán trưởng.

Điều 28. Cán bộ quản lý.

Theo mô hình bộ máy tổ chức đã được Hội đồng quản trị chấp thuận, Giám đốc điều hành lựa chọn và quy định mức lương, tiền thù lao, các lợi ích khác đối với các cán bộ quản lý khác của công ty.

Điều 29. Giám đốc điều hành.

1. Bổ nhiệm:

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc điều hành và sẽ ký kết hợp đồng quy định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc bổ nhiệm. Những thông tin này phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo của Công ty.

2. Nhiệm kỳ:

Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là 05 năm (05 năm).

3. Quyền hạn và nhiệm vụ:

Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị các kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phê chuẩn.

b. Quyết định tại các văn để tổ chức điều hành hàng ngày của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng và của Hội đồng quản trị nhằm bảo đảm cho hoạt động kinh doanh của công ty đạt kết quả cao nhất.

c. Lựa chọn cơ cấu tổ chức, số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động với cán bộ quản lý.

d. Quyết định số lượng lao động và chịu trách nhiệm về việc ký kết hợp đồng với người lao động.

d. Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo vào ngày cuối tháng 10 mỗi năm.

e. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

g. Đề xuất những giải pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý công ty.

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của công ty để trình Hội đồng quản trị xem xét, thông qua.

4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc điều hành khi có biểu quyết của giám đốc nếu giám đốc cũng là thành viên Hội đồng quản trị) và bổ nhiệm một giám đốc điều hành mới để thay thế.

Điều 30. Thủ tục Công ty.

Hội đồng quản trị chỉ định một thủ tục Công ty để thực hiện các vai trò và nhiệm vụ sau đây:

a. Tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Trưởng Ban kiểm soát;

b. Làm Biên bản các cuộc họp;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

d. Cung cấp thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Chương VII BAN KIỂM SOÁT

Điều 31. Bổ nhiệm Ban Kiểm soát.

1. Ban kiểm soát có 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, trong đó có một người có chuyên môn về kế toán.

2. Mỗi cổ đông nắm giữ trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng sau hàng liên tục trở lên có quyền đề cử một ứng cử viên vào Ban kiểm soát.

Điều 32. Hoạt động của Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính.

b. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 điều 14 của điều lệ này.

c. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận lên Đại hội đồng cổ đông.

d. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động của công ty.

đ. Kiến nghị biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của công ty.

e. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý phải cung cấp các thông tin và tài liệu có liên quan đến hoạt động của công ty cho Ban kiểm soát.

3. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát.

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để thực thi chức trách của Ban kiểm soát.

c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Ban kiểm soát quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của mình bảo đảm mỗi năm ít nhất họp hai lần và số lượng thành viên mỗi cuộc họp ít nhất là hai người.

5. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 3 năm và phải bảo đảm ít nhất có một phần ba thành viên được bầu mới hoặc bầu lại trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Chương VIII

HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU VÀ QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 33: Hợp đồng vô hiệu

Các hợp đồng kinh tế, dân sự của công ty ký với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và người có liên quan của họ sẽ vô hiệu nếu vi phạm các điều kiện sau:

a) Hợp đồng có giá trị trên 20% tổng tài sản ghi trong sổ kế toán của công ty phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký.

b) Hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng tài sản ghi trong sổ kế toán của công ty phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký.

Điều 37 : Phân phối lợi nhuận

Năm tài chính của công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 mỗi năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 36: Năm tài chính**CHƯƠNG X - TÀI CHÍNH - LỢI NHUẬN****Chương X**

Điều lệ của các tổ chức đó.

Các tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức khác hoạt động theo hình pháp, pháp luật của Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Các tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức khác trong công ty: bộ quản lý và người lao động, CBCNV trong công ty được thực hiện (nếu có), bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán - Việc tuyển dụng lao động, buốc thời việc, lương, phụ cấp lương

Điều 35. Công nhân viên và Các tổ chức khác trong công ty.

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÁC TỔ CHỨC KHÁC TRONG CÔNG TY**Chương IX**

đồng và cơ quan đăng ký kinh doanh.

sở chính của công ty và phải được thông báo về điều này cho các cơ bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật lưu giữ tài tử cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, báo đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu

3. Điều lệ công ty và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy đích liên quan tới chức trách của mình.

danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ khác của Công ty vì mục

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông, lúc các hồ sơ đó.

đồng cổ đông, biên bản họp Hội đồng quản trị và sao chụp hoặc trích điểm trừ sở chính của công ty danh sách các cổ đông, biên bản Đại hội

có quyền gửi văn bản yêu cầu kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 4 điều 14

Điều 34. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.

c) Các cổ đông hoặc thành viên Hội đồng quản trị là một bên ký các hợp đồng này không được biểu quyết trong các cuộc họp xem xét việc chấp thuận nơi ở khoản a và b điều 33 trên đây.

Căn cứ phương án đệ trình của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng quyết định việc phân phối và trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế.

Điều 38. Cổ tức.

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chia cổ tức từ lợi nhuận giữ lại của công ty.

2. Hội đồng quản trị ban hành quy chế về việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận giữ lại, kể cả phần được trích để chia cổ tức. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận bằng một nghị quyết.

3. Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán cổ tức bằng tiền hoặc những tài sản cụ thể (Cổ phiếu, trái phiếu do công ty phát hành).

5. Cổ tức được chi trả bằng tiền phải được thực hiện bằng đồng tiền Việt Nam, séc hoặc lệnh trả tiền qua bưu điện.

6. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết quy định ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của công ty để xác định mốc thời gian cho các cổ đông hoặc người sở hữu chứng khoán của công ty được quyền nhận cổ tức, lãi suất, lợi nhuận được phân chia, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Chương XI

TÀI KHOẢN, QUỸ DỰ TRỮ, HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 39. Tài khoản ngân hàng.

1. Công ty mở tài khoản tại các Ngân hàng Việt Nam hoặc ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền. Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.

3. Tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán của công ty đều phải thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 40. Quỹ dự trữ, bổ sung vốn Điều lệ.

Hàng năm, Hội đồng quản trị đề xuất để Đại hội đồng cổ đông quyết định việc công ty trích từ lợi nhuận sau thuế một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ ở mức mà Hội đồng quản trị cho là hợp lý.

Điều 41. Hệ thống Kế toán.

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS).

2. "Đồng" Việt Nam là đơn vị tiền tệ dùng trong hệ thống kế toán của công ty.

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông, giữa cổ đông với công ty hoặc giữa cổ đông với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát thì các bên liên quan có gắng giải quyết thông qua thương lượng và

Điều 46. Giải quyết tranh chấp nội bộ
Chương XV
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

2. Bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.
tham quyền theo quy định của pháp luật.
Việc giải thể Công ty phải được thông báo đến các cơ quan có
1. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

trường hợp sau.
Điều 45. Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các

Chương XIV
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con
đâu theo quy định của Pháp luật hiện hành.

Điều 44. Con dấu.

Chương XIII
CON DẤU

Bao cáo tài chính đã được kiểm tra, kiểm toán phải được gửi tới
các cổ đông và được công khai theo quy định của pháp luật.
Điều 43. Công bố công khai thông tin

hành kiểm toán (nếu có).
3. Báo cáo tài chính phải được một công ty kiểm toán độc lập tiến

doanh trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
đồng cổ đông và được nộp cho các cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh
2. Báo cáo tài chính của công ty phải được thông qua tài Đại hội
đồng quản trị trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông.

hợp lệ, phải được kiểm tra bởi Ban kiểm soát và sự phê duyệt của Hội
1. Báo cáo tài chính hàng năm của công ty phải được lập một cách
Điều 42. Báo cáo hàng năm.

Chương XII
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

3. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ
hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty
tham gia. Nhưng hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và
phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

hòa giải. Nếu tranh chấp không liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp; nếu tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị thì có thể lựa chọn một chuyên gia độc lập làm trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu việc thương lượng và hòa giải không thành thì trong vòng sáu tuần kể từ khi quá trình bắt đầu hòa giải hoặc quyết định hòa giải không được các bên chấp nhận thì có thể đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu phí phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Chương XVI SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 47. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

Chương XVII HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 48: Những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản điều lệ này hoặc những quy định pháp luật mới ban hành khác với những điều khoản trong điều lệ này đương nhiên có hiệu lực phải được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 49. Thời gian có hiệu lực.

1. Bản Điều lệ này gồm 17 Chương 49 Điều được Đại hội đồng cổ đông lần đầu của Công ty cổ phần công trình giao thông tỉnh Điện Biên trực tiếp thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005 và có hiệu lực ngay khi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị nhau.

Trong đó:

- 01 bản nộp tại cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 9 bản lưu tại văn phòng công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty đều phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị pháp lý ./.

Điện Biên phủ, ngày 30 tháng 12 năm 2005

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Văn Tý

